

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 299/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02-10 - 2018

“V/v tranh chấp ly hôn
giữa chị Bé B và anh T”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội Thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Xuân Quỳ

2/ Ông Nguyễn Văn Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày ngày 02 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2018/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp: “xin ly hôn và nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 194/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Bé B, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị Bé B trình bày:

1.1 Về hôn nhân: Do mai mối của người thân vào năm 2014 chị Phan Thị Bé B và anh Nguyễn Văn T biết nhau, sau khi tìm hiểu chị Bé B và anh T tiến tới hôn nhân vào năm 2015, vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng thuộc ấp T, xã A, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không lo làm ăn mà tụ tập bạn bè ăn nhậu, nhiều lần chị khuyên bảo anh T quan tâm đến gia đình phụ giúp chị chăm sóc con cái vì gia cảnh kinh tế khó khăn chị phải đi buôn bán để kiếm sống và nuôi con. Tuy nhiên, anh T

vẫn giữ bản tính ăn chơi không chịu thay đổi, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nay do không còn tình cảm với nhau, nhận thấy không thể kéo dài quan hệ hôn nhân nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

1.2 Về nuôi con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh năm 2015; Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2017. Sau khi ly hôn chị Bé B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Đ đến trưởng thành, giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng đến trưởng thành. Không ai phải yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét chia tài sản chung vợ chồng.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Văn T tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải trình bày:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh và chị Bé B là do mai mối của người thân, được cha mẹ hai bên đồng ý nên anh và chị Bé B tiến tới hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân xã A vào năm 2015. Từ khi kết hôn đến nay hôn nhân hạnh phúc, vợ chồng không có mâu thuẫn như chị Bé B trình bày, vợ chồng chỉ cãi nhau những chuyện nhỏ từ đó vợ bỏ nhà đi từ tháng 7/2018. Hiện anh còn thương vợ không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh năm 2015; Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2017 yêu cầu được đoàn tụ với vợ để cùng nhau chăm sóc con chung. Nếu tòa chấp nhận cho ly hôn yêu cầu mỗi người nuôi một đứa con, anh yêu cầu nuôi cháu T không yêu cầu chị Bé B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét chia tài sản chung vợ chồng.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Chị Phan Thị Bé B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T và yêu cầu được nuôi con chung, xét đây là quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Anh Nguyễn Văn T là bị đơn được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phan Thị Bé B và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp, khi phát sinh tranh chấp Toà án xem xét giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Xét nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa Phan Thị Bé B và anh Nguyễn Văn T xảy ra do không hoà hợp cách sống, bản thân anh T không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình mặc dù nhiều lần chị Phan Thị Bé B khuyên bảo anh T từ bỏ ăn chơi để cùng nhau chăm sóc con cái, nhưng anh T không sửa đổi. Bản thân anh T cho rằng còn thương vợ nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng không chịu sửa đổi bản thân, chị Bé B kiên quyết yêu cầu được ly hôn vì đã cho anh T nhiều cơ hội sửa đổi. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Phan Thị Bé B và anh Nguyễn Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn giữa chị Bé B và anh T.

[4] Về nuôi con chung: Xét thấy, quá trình hoà giải chị Bé B và anh T thoả thuận chị Bé B nuôi cháu Nguyễn Minh Đ, anh Nguyễn Văn T nuôi cháu Nguyễn Minh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, tại Toà chị Bé B vẫn giữ đề nghị này nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Đăng cho chị Bé B trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Tiến giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Phan Thị Bé B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về chia tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu, nên Toà án không xem xét về tài sản chung.

[8] Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên Toà án không xem xét.

[9] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phan Thị Bé B phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 có hiệu lực 01.01.2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc án phí, lệ phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Bé B về việc xin ly hôn và nuôi con chung với anh Nguyễn Văn T.

1.1 Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Bé B và anh Nguyễn Văn T.

1.2 Về nuôi con chung: Chị Phan Thị Bé B được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Đăng dưỡng đến trưởng thành; anh Nguyễn Văn T được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Tiến đến trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho các đương sự theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.4 Về chia tài sản chung: Tòa án không xem xét.

1.5 Về nợ chung: Tòa án không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phan Thị Bé B phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 001079 ngày 24/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

3. Tuyên án công khai nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hay được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Trung An;
- Phòng tư pháp huyện Cờ Đỏ;
- Lưu HS, VT, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

Nguyễn Đăng Khoa